

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN
Số: 47/1999/QĐ-BNN/KL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 1999

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định kiểm tra việc vận chuyển, sản xuất,
kinh doanh gỗ và lâm sản

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 1/11/1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 12/8/1991;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm lâm và Cục trưởng Cục Phát triển lâm nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản "Quy định kiểm tra việc vận chuyển, sản xuất, kinh doanh gỗ và lâm sản".

Điều 2. Bản quy định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 11 LN/KL ngày 31/10/1995 của Bộ Lâm nghiệp.

Điều 3. Các ông Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng các Cục: Kiểm lâm, Phát triển lâm nghiệp, Chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn; Vụ trưởng Vụ Chính sách và các Cục, Vụ liên quan; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY ĐỊNH

Kiểm tra việc vận chuyển, sản xuất, kinh doanh gỗ và lâm sản

(Ban hành theo Quyết định số 47/1999/QĐ-BNN-KL ngày 12/03/1999 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Gỗ, lâm sản và các thuật ngữ khác trong Quy định này được hiểu như sau:

- Gỗ nguyên liệu khai thác từ rừng tự nhiên trong nước, gồm gỗ tròn, gỗ bổ đôi, bổ tư, và gỗ đẽo, gỗ xẻ các loại chưa qua nhập xưởng chế biến.
- Gỗ nguyên liệu từ rừng trồng, gồm các chủng loại gỗ khai thác từ rừng trồng thuộc các nguồn vốn khác nhau, gỗ vườn, gỗ cây trồng phân tán và khoanh nuôi, gỗ rừng được, rừng tràm, gỗ cao su thanh lý.
- Củi các loại, gồm củi rừng tự nhiên, củi rừng trồng là phần không thể tận dụng làm gỗ.
- Gỗ nguyên liệu nhập khẩu, gồm gỗ nhập khẩu dưới dạng gỗ tròn, gỗ xẻ, ván nhân tạo các loại, gỗ tận dụng từ bao bì nhập khẩu.
- Các loại sản phẩm đã qua chế biến, gồm:
 - Gỗ xẻ các loại được cưa xẻ từ gỗ nguyên liệu đã qua nhập xưởng chế biến để pha cắt thành ván, thanh, hộp, cầu phong, la ti, li tô... đã bào hoặc chưa bào bề mặt.
 - Sản phẩm gỗ hoàn chỉnh, chi tiết sản phẩm hoàn chỉnh; sản phẩm thủ công mỹ nghệ theo quy định tại Quyết định số 65/1998/QĐ-TTg ngày 24-3-1998 của Thủ tướng chính phủ.
 - Hàng mộc đã qua sử dụng các loại.
 - Ván nhân tạo các loại, gồm ván dán, ván ép, ván dăm, ván sợi, ván ghép, ván lợp có phủ bề mặt hoặc không phủ bề mặt, có trang trí bề mặt hoặc không trang trí bề mặt.
 - Dăm mảnh (dăm gỗ, dăm tre nứa), bao bì tận dụng.

6. Các loại nguyên liệu lâm sản khác và sản phẩm của chúng (gọi tắt là lâm sản khác), gồm các loại lâm sản ngoài gỗ, được khai thác từ rừng tự nhiên hoặc rừng trồng, bao gồm dạng nguyên liệu và dạng đã qua chế biến.

a) Dạng nguyên liệu, gồm tất cả các lâm sản khác có tên gọi đúng với tên gọi thực tế, như song, mây, tre, nứa, lồ ô, sa nhân, ba kích, hạt ươi, hoa hồi, quế, phong lan, cây cảnh, củ, lá, rễ cây rừng...

b) Dạng đã qua chế biến, gồm tất cả các loại sản phẩm lâm sản khác chế biến từ dạng nguyên liệu theo mục a khoản 6, Điều 1 của bản quy định này, có tên gọi đúng với tên gọi trong thực tế, như song chuốt, mây chẻ, tre nứa thanh, tinh dầu thực vật, dầu trong, chai cục, than hầm, than hoa...

7. Gỗ và lâm sản được phân biệt làm 2 loại thông thường và quý hiếm. Loại quý hiếm được xác định theo quy định tại Nghị định 18/HĐBT ngày 17/01/1992 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) bao gồm:

a) Thực vật rừng quý hiếm nhóm IA và IIA.

b) Động vật rừng quý hiếm nhóm IB và IIB.

8. Động vật hoang dã, gồm:

a) Động vật hoang dã nguyên khai các loại (thông thường và quý hiếm theo Nghị định 18/HĐBT ngày 17/01/1992) và sản phẩm của chúng.

b) Động vật hoang dã qua gây nuôi, nhân giống và sản phẩm của chúng.

9. Ngoài các mục gỗ và lâm sản nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 1 của bản quy định này, nếu gỗ và lâm sản chưa có thì chủ hàng báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để được xử lý kịp thời.

10. Hoá đơn bán hàng, gồm hoá đơn giá trị gia tăng, hoá đơn bán hàng, hoá đơn kiêm phiếu xuất kho, hoá đơn dịch vụ và các loại hoá đơn khác, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ và các loại chứng từ khác như: tem, vé... in sẵn giá thanh toán (gọi chung là hoá đơn) do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) phát hành hoặc được Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) chấp nhận bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân tự in.

11. Tờ khai hải quan, là tờ khai do cơ quan Hải quan xác nhận hàng hoá đã hoàn thành thủ tục Hải quan theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Mọi Tổ chức, cá nhân có hoạt động vận chuyển, sản xuất, kinh doanh gỗ và lâm sản phải chấp hành nghiêm chỉnh bản Quy định này và chịu sự giám sát, kiểm tra của Cơ quan Kiểm lâm.

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, Thủ trưởng cơ quan Kiểm lâm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân (gọi tắt là chủ hàng) thực hiện việc vận chuyển, sản xuất kinh doanh gỗ và lâm sản theo đúng bản quy định này; đồng thời, phối hợp với các cơ quan chức năng và chính quyền địa phương các cấp thực hiện đúng Quyết định số 245/1998/QĐ-TTg ngày 21/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước của các cấp về rừng và đất lâm nghiệp.

Chương 2:

CHỨNG TỪ VẬN CHUYỂN, SẢN XUẤT, KINH DOANH GỖ VÀ LÂM SẢN

Điều 4. Chứng từ vận chuyển gỗ nguyên liệu theo khoản 1 Điều 1 và sản phẩm đã qua chế biến từ nguồn nguyên liệu theo khoản 5 Điều 1:

1. Đối với việc vận chuyển gỗ nguyên liệu theo khoản 1 Điều 1.

a) Chứng từ vận chuyển, gồm:

Hoá đơn bán hàng (chỉ cần một trong các loại hoá đơn quy định tại khoản 10 Điều 1).

Lý lịch gỗ kèm theo gỗ có dấu búa kiểm lâm.

b) Trường hợp gỗ nguyên liệu đã trình kiểm sau khi nhập xưởng chế biến, khi vận chuyển hoặc tiêu thụ thì không cần phải đóng lại dấu búa Kiểm lâm, nhưng phải có xác nhận của Kiểm lâm sở tại.

c) Trường hợp gỗ, nguyên liệu không đủ tiêu chuẩn đóng dấu búa kiểm lâm thì chủ hàng phải xuất trình giấy xác nhận của Hạt Kiểm lâm sở tại là gỗ hợp pháp.

d) Trường hợp gỗ, lâm sản quý hiếm thuộc nhóm IIA, khi vận chuyển ra ngoài tỉnh phải có giấy phép vận chuyển đặc biệt do Chi cục Kiểm lâm sở tại cấp theo quy định tại Điều 11 của bản quy định này.

2. Đối với việc vận chuyển các sản phẩm đã qua chế biến từ các nguồn nguyên liệu theo khoản 5 Điều 1 cần có hoá đơn bán hàng.

Trường hợp là hàng mộc đã qua sử dụng thì không cần xuất trình giấy tờ gì.

3. Đối với gỗ, lâm sản phạm pháp đã qua xử lý tịch thu khi vận chuyển chứng từ gồm có:

a) Biên lai thu tiền bán lâm sản.

b) Nếu là gỗ nguyên liệu có đủ tiêu chuẩn đóng dấu búa Kiểm lâm thì phải có lý lịch gỗ, kèm theo gỗ được đóng dấu búa Kiểm lâm. Nếu là gỗ nguyên liệu không đủ tiêu chuẩn đóng dấu búa Kiểm lâm phải có xác nhận của Kiểm lâm sở tại trong lý lịch gỗ.

c) Nếu gỗ, lâm sản quý hiếm thuộc nhóm IIA, khi vận chuyển ra ngoài tỉnh phải có giấy phép vận chuyển đặc biệt do Chi cục Kiểm lâm sở tại cấp theo quy định tại Điều 11 của bản quy định này.

Điều 5. Chứng từ vận chuyển gỗ nguyên liệu từ rừng trồng và các sản phẩm chế biến từ rừng trồng theo khoản 2 Điều 1:

1. Nếu sử dụng tại chỗ theo mục đích gia dụng chỉ cần giấy chứng nhận của cơ quan Kiểm lâm gần nhất hoặc UBND xã, thị trấn sở tại.

2. Nếu sử dụng vào mục đích thương mại phải có:

a) Giấy xác nhận của cơ quan Kiểm lâm gần nhất.

b) Hoá đơn bán hàng (đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh) hoặc bản kê mua hàng (đối với tổ chức, cá nhân thu mua trong dân)

3. Trường hợp gỗ nguyên liệu là các loài cây trồng có tên trùng với các loài cây rừng tự nhiên, chứng từ vận chuyển theo khoản 1 Điều 4.

Điều 6. Chứng từ vận chuyển củi các loại theo khoản 3 Điều 1:

1. Đối với củi có nguồn gốc hợp pháp từ rừng tự nhiên, chứng từ vận chuyển gồm : Hoá đơn bán hàng hoặc bản kê mua hàng.

Nghiêm cấm mọi trường hợp cắt ngắn gỗ thành củi.

2. Đối với củi các loại có nguồn gốc từ rừng trồng, được tự do lưu thông, khi vận chuyển chỉ cần bản kê mua hàng.

Điều 7. Chứng từ vận chuyển gỗ, lâm sản có nguồn gốc nhập khẩu theo khoản 4 Điều 1 gồm:

a) Tờ khai hải quan cửa khẩu.